TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2018
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà **Phạm Thị Phượng**
2/ Bà **Lý Thị Bé Năm**
Thư ký phiên toà: Bà **Tăng Thị Điền** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Ngày 22/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 427/2017/TLST- HNGĐ ngày 06/12/ 2017 về việc " ly hôn " theo quyết định xét xử số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2018 giữa các đương sự **:**

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị G, sinh 1985. (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn : Anh Nguyễn Văn Đ, sinh 1978 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, đăng ký kết hôn ngày 27/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy (nay là thị xã Cai Lậy), Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh Đ mỗi khi đi nhậu về kiếm chuyện gây tranh cãi, chửi mắng, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị nhiều lần. Vì con nên chị cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa đổi, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trong hơn và kéo dài đến nay, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/01/2004 hiện đang chung sống với anh Đ. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn : Anh Nguyễn Văn Đ, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cần công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai, anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị G về quá trình chung sống , kết hôn, về con chung nhưng anh không thống nhất về việc mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng có đứa con chung, anh không có ý kiến về con chung vì anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy trích lục kết hôn số 338/TLKH-BS ngày 28/8/2017 và đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị G thì chị G và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn ngày 27/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy (nay là thị xã Cai Lậy), Tiền Giang nên quan hệ giữa anh Đ và chị G được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị G khởi kiện anh Đ về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Đ, chị G nhưng anh Đ, chị G có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt chị G, anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị G và anh Đ từ khi chung sống với nhau chỉ hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh Đ mỗi khi đi nhậu về kiếm chuyện gây tranh cãi, chửi mắng, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị nhiều lần. Vì con nên chị cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa đổi, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trong hơn và kéo dài đến nay, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị G về quá trình chung sống , kết hôn, về con chung nhưng anh không thống nhất về việc mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng có đứa con chung nhưng anh không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng kể từ khi 02 người sống ly thân đến nay, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị G và anh Đ là có thật, anh không mong muốn hàn gắn tình cảm đồng thời mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh Đ cũng được chính quyền địa phương xác nhận. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh Đ là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/01/2004 hiện đang chung sống với anh Đ. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T đến nay vẫn là người chưa thành niên và đã trên 07 tuổi. Theo nguyện vọng của cháu T thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu muốn ở với cha nên giao cháu T cho anh Đ tiếp tục chăm sóc là hợp lý phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Đ có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/01/2004 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị G đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001243 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Chị G, anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, TX.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng